

## KẾT LUẬN THANH TRA

### Việc chấp hành pháp luật về khoáng sản, pháp luật khác có liên quan trong hoạt động khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường của Công ty cổ phần Tân Cang

Thực hiện Quyết định thanh tra số 398/QĐ-ĐCKS ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam về việc thanh tra việc chấp hành pháp luật về khoáng sản trong hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; từ ngày 02 đến 03 tháng 6 năm 2017, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về khoáng sản, pháp luật khác có liên quan của Công ty cổ phần Tân Cang trong hoạt động khai thác và sử dụng đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá Tân Cang 2, xã Phước Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai theo Quyết định cho phép khai thác số 1792/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2010 và Quyết định số 3220/QĐ-UBND ngày 20/12/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai;

Xét nội dung Báo cáo kết quả thanh tra và Biên bản thanh tra lập ngày 03 tháng 6 năm 2017 của Đoàn thanh tra, Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam kết luận như sau:

#### 1. Khái quát chung

Công ty cổ phần Tân Cang hoạt động khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá Tân Cang 2, xã Phước Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai theo Quyết định cho phép khai thác số 1792/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2010 của UBND tỉnh Đồng Nai (chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản từ Công ty cổ phần xây dựng và sản xuất VLXD Đồng Nai - BMCC); diện tích khu vực mở moong khai thác là 13,3ha; cao trình kết thúc khai thác đến cote -60m; trữ lượng được phép khai thác là 4.139.426m<sup>3</sup> đá xây dựng; công suất khai thác 365.000 m<sup>3</sup> đá nguyên khối/năm, thời gian khai thác đến ngày 31/12/2019.

- Sau khi kết thúc thăm dò phê duyệt trữ lượng tới mức sâu -80m, Công ty được UBND tỉnh Đồng Nai cho phép khai thác tại Quyết định số 3220/QĐ-UBND ngày 20/12/2015; diện tích khu vực hoạt động khoáng sản là 13,3ha; cao trình kết thúc khai thác đến cote -80m; trữ lượng được phép khai thác là 4.860.841m<sup>3</sup> đá xây dựng; công suất khai thác 365.000 m<sup>3</sup> đá nguyên khối/năm, thời gian thực hiện dự án 13 năm 4 tháng tính từ ngày 01/01/2014.

#### 2. Kết quả thanh tra

Trong hoạt động khai thác và sử dụng đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá Tân Cang 2, xã Phước Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai theo Quyết định cho phép khai thác số 1792/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm



2010 và Quyết định số 3220/QĐ-UBND ngày 20/12/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai, Công ty đã thực hiện:

### **2.1. Về lĩnh vực khoáng sản**

- Đã cắm mốc các điểm khép góc ranh giới khu vực khai thác khoáng sản theo quy định.

- Đã lập và phê duyệt thiết kế mỏ (Quyết định số 26/QĐ-TC2 ngày 29/4/2016 của Giám đốc Công ty); đã nộp thiết kế mỏ cho Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

- Sản lượng khai thác thực tế gần đạt công suất so với công suất quy định tại Quyết định cho phép khai thác khoáng sản.

- Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác thuộc ranh giới được phép khai thác, không có hiện tượng khai thác trái phép trong phạm vi ranh giới khu vực được cấp phép khai thác.

- Bổ nhiệm Giám đốc điều hành mỏ đúng quy định về tiêu chuẩn, trình độ (ông Vương Văn Thụy, kỹ sư khai thác mỏ theo Quyết định số 09/QĐ-BN ngày 01/10/2010 của Công ty).

- Đã nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định (đã nộp 03 lần năm 2014, 2015 và 2016 vào kho bạc nhà nước Đồng Nai với tổng số tiền là: 6.856.064.328 đồng).

- Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản, báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản thực hiện đầy đủ và nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

- Bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản năm 2014, 2015 và 2016 được lập đầy đủ, nhưng Bản đồ hiện trạng, mặt cắt hiện trạng không phù hợp theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-BTNMT ngày 01/3/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Đã lắp đặt trạm cân tại vị trí đưa khoáng sản nguyên khai ra khỏi khu vực khai thác; đã lắp camera giám sát tại các trạm cân, bãi chứa đá thành phẩm để kiểm soát và lưu trữ thông tin.

### **2.2. Về lĩnh vực khác có liên quan**

#### **a) Về bảo quản, vận chuyển và sử dụng VLNCN**

- Không sử dụng kho chứa VLNCN (Đơn vị cung cấp VLNCN theo từng Hộ chiếu nổ mìn).

- Đã có Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp số 07/2016/GP-SCT ngày 08/11/2016 do Sở Công thương Đồng Nai cấp, thời hạn 02 năm.

- Hộ chiếu khoan nổ mìn khai thác do Đơn vị lập cơ bản phù hợp với quy định của Yêu cầu an toàn về bảo quản, vận chuyển và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp theo QCVN 02:2008/BCT, phù hợp với Thiết kế mỏ đã phê duyệt. Nhưng sơ đồ gác mìn sơ sài, chưa có vị trí điểm hỏa, chưa ghi khoảng cách an toàn từ vị trí bãi mìn đến các điểm gác, đến vị trí điểm hỏa và các công trình cần được bảo vệ.

#### **b) Về lĩnh vực bảo vệ môi trường**

- Đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường hàng năm theo quy định, đến hết

năm 2016 đã ký quỹ được 07 lần, với tổng số tiền là 771.018.800 đồng tại Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai.

- Quan trắc môi trường đúng tần suất, các thông số quan trắc môi trường đã được lập thành báo cáo, các chỉ tiêu quan trắc và phân tích đều nằm trong tiêu chuẩn cho phép.

- Chưa có Giấy xác nhận hoàn thành các công trình BVMT trước khi đưa dự án vào hoạt động theo quy định (đã nộp hồ sơ tại Tổng cục Môi trường và đã được Tổng cục Môi trường kiểm tra thực tế ngày 24 tháng 3 năm 2017).

- Đã ký Hợp đồng thu gom và xử lý chất thải nguy hại số 08/01/2017-HĐ ngày 01/01/2017 với Công ty TNHH Môi trường Bá Phát.

*c) Về lĩnh vực tài nguyên đất*

- Đã được UBND tỉnh Đồng Nai cho thuê đất để khai thác tại Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 30/11/2010 và Quyết định điều chỉnh số 1356/QĐ-UBND ngày 03/6/2011; Hợp đồng thuê đất số 12/HĐTĐ ngày 18/4/2012, diện tích: 113.911 m<sup>2</sup>, thời hạn đến ngày 31/12/2019.

*d) Về lĩnh vực tài nguyên nước và xả thải*

- Công ty không sử dụng nguồn nước dưới đất tại mỏ đá Tân Cang 2.

- Đã được UBND tỉnh Đồng Nai cấp Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 2777/GP-UBND ngày 27/9/2012, lưu lượng xả thải 4.930 m<sup>3</sup>/ngày đêm, thời hạn 5 năm kể từ ngày ký.

*e) Về lĩnh vực an toàn lao động*

- Đã ban hành nội quy và quy trình vận hành thiết bị, xe, máy cho hoạt động khai thác.

- Đã ban hành nội quy về an toàn lao động.

- Đã niêm yết tại các thiết bị (trạm cân, máy xay đá, máy nén khí...).

- Đã kiểm định bình nén khí và máy nổ mìn.

- Có lắp hộp lưới bảo vệ, bảo hiểm các hệ thống quay, đập có nguy cơ gây mất an toàn khi vận hành.

- Có cấm biển báo an toàn hai bên đường vận chuyển, nhưng chưa đầy đủ; chưa cấm tại các vị trí có nguy cơ mất an toàn trong khu vực moong khai thác và đường nội bộ dưới moong khai thác.

### **3. Kết luận**

#### **3.1. Kết quả đạt được**

Quá trình hoạt động khai thác của Công ty trong thời kỳ thanh tra đã cơ bản chấp hành các quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan, cụ thể như sau: Công ty đã và đang khai thác trong diện tích và chiều sâu được cấp phép khai thác; có thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo quy định; có hỗ trợ địa phương nơi có mỏ; có nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định; có báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản và thống kê kiểm kê trữ lượng khoáng sản trong khu vực được cấp phép khai thác theo quy định; khai thác đá để sử dụng làm vật liệu xây dựng thông thường phù hợp với dự án đầu tư và đúng mục đích sử dụng khoáng sản quy định trong Giấy phép khai thác.



### 3.2. Các tồn tại, vi phạm

Ngoài những kết quả đạt được nêu trên, hoạt động khai thác khoáng sản của Công ty tại mỏ đá Tân Cang 2, xã Phước Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai vẫn còn một số tồn tại, vi phạm chủ yếu như sau:

- Quá trình khai thác trước đây của đơn vị cũ (Công ty cổ phần xây dựng và sản xuất VLXD Đồng Nai – BMCC) có một số vị trí bị chập tầng, đến nay vẫn chưa khắc phục xong.

- Lập bản đồ hiện trạng, mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản chưa đầy đủ thông tin, số liệu, nội dung và hình thức không phù hợp với quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-BTNMT ngày 01/3/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Chưa lắp đặt đầy đủ các biển báo an toàn tại các vị trí có nguy cơ mất an toàn trong khu vực moong khai thác và đường vận chuyển nội bộ mỏ.

### 4. Biện pháp xử lý và yêu cầu khắc phục vi phạm

Yêu cầu Công ty cổ phần Tân Cang nghiêm túc thực hiện:

- Tiếp tục, khẩn trương khắc phục, cải tạo các khu vực bị chập tầng do quá trình khai thác trước đây để lại, đưa mỏ về trạng thái đảm bảo an toàn theo quy định; quá trình khai thác tiếp theo phải cắt tầng rõ ràng, không được để xảy ra chập tầng đảm bảo các thông số của hệ thống khai thác theo đúng thiết kế mỏ được phê duyệt.

- Lập bản đồ hiện trạng, mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản hàng năm phải đầy đủ thông tin, số liệu và có nội dung, hình thức phù hợp với quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-BTNMT ngày 01/3/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Lắp đặt các biển báo an toàn tại các vị trí có nguy cơ mất an toàn trong khu vực moong khai thác và bổ sung thêm các biển báo trên các tuyến đường vận chuyển nội bộ mỏ (các biển báo an toàn phải dễ nhìn, dễ thấy để phòng ngừa).

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày ký Kết luận thanh tra, Công ty cổ phần Tân Cang phải thực hiện các yêu cầu nêu trên và báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện cho Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam sẽ xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật./.

#### Nơi nhận:

- Công ty CP Tân Cang (để thực hiện);
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Thứ trưởng Nguyễn Linh Ngọc (để báo cáo);
- Thanh tra Bộ TN&MT;
- Lãnh đạo Tổng cục ĐC&KS VN;
- UBND tỉnh Đồng Nai;
- Sở TN&MT tỉnh Đồng Nai;
- Lưu VP, KSMN, HSTTr (Q.10).



**TỔNG CỤC TRƯỞNG**



**Đỗ Cảnh Dương**